TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18-12-2023
V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đặng Văn Hậu

2/ Bà Nguyễn Thị Thơm

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân nhân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 342/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc: "tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị K, sinh năm 1984. "vắng mặt".

Địa chỉ cư trú: số A, khu vực Y, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trí T, sinh năm 1984 "vắng mặt".

Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã Th, huyện P, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người làm chứng: ông Nguyễn Tấn Tr, sinh năm 1963. "vắng mặt".

Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã Th, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/10/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lương Thị K trình bày: Chị và anh Nguyễn Trí T thành hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 27/6/2011. Sau khi thành hôn thì vợ chồng sống và đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian chung sống được 09 năm, lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau này có phát sinh mâu thuẫn nguyên

nhân do vợ chồng không cùng chung quan điểm, thường cự cải với nhau, không hợp nhau. Chị và anh T không còn sống chung khoảng năm 2020 cho đến nay. Chị xác định không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29 tháng 11 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Trí T trình bày: Anh và chị Lương Thị K thành hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Vĩnh Long. Quá trình chung sống không hợp nhau nên vợ chồng đã ly thân khoảng năm 2019 đến nay. Theo yêu cầu ly hôn của chị K thì anh đồng ý.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U, tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm: Đề nghị căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Lương Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Trí T.

Về con chung: chị K và anh T không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị K nộp 300.000đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Lương Thị K khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Trí T, địa chỉ: Ấp M, xã Th, huyện P, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chị Lương Thị K và bị đơn anh Nguyễn Trí T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên và bị đơn.

Người làm chứng ông Nguyễn Tấn Trí có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lương Thị K và anh Nguyễn Trí T thành hôn vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Vĩnh theo giấy chứng nhận kết hôn số 69 quyển số 01 ngày 27/6/2011 là hợp pháp và anh chị kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị K và anh T đều cho rằng quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc sau này có phát sinh mâu thuẫn do không không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hạnh phúc và hiện tại không còn sống chung với nhau. Nay chị K yêu cầu ly hôn, anh T cũng đồng ý. Xét lời trình bày của anh chị cũng phù hợp với lời trình bày của người làm chứng. Từ đó, xác định mâu thuẫn giữa chị K và anh T đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K là phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị K và anh T không có con chung nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị K và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nên miễn xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị K nộp 300.000đ án phí ly hôn do theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lương Thị K.

1. Về hôn nhân:

Xử cho chị Lương Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Trí T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lương Thị K có nghĩa vụ nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị K đã nộp theo biên lai thu số 0010792 ngày 26/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện O, tỉnh Vĩnh Long, chị K đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Thi hành án dân sự huyện T;
- Uỷ ban nhân dân xã TH, huyện R (Giấy kết hôn số: 69, ngày 27/6/2011);
- Lưu hồ sơ vụ án.